

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HC-PT

Ngày: 21-6-2019

V/v *Khiếu kiện Quyết định hành
chính và hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Dũng

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Bé

Bà Lê Thị Mỹ Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Ông Phạm Văn Lợi - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21-6-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 01/2019/TLPT-HC ngày 21-01-2019 về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 19-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2019/QĐ-PT ngày 04-3-2019, Thông báo mở lại phiên tòa số 164/2019/TB-HC ngày 28-5-2019 và Thông báo về việc chuyển ngày xét xử số 168/2019/TB-TA ngày 03-6-2019, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Phan Thanh L, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Thanh L: Ông Nguyễn Chí H, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi (văn bản ủy quyền ngày 01-11-2018).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phan Thanh L: Ông Huỳnh Tân M - là Luật sư của Văn phòng Luật sư C thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi (theo Quyết định số 87/QĐ-TGPL ngày 19-4-2019 của Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi).

2. *Người bị kiện:*

- Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Cùng địa chỉ: Xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn M – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi (văn bản ủy quyền số 87/UBND ngày 19-4-2019)

3. *Người kháng cáo:* Ông Phan Thanh L là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và ông Nguyễn Chí H là người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Thanh L trình bày:

Nguồn gốc các thửa đất 119, 124, 123 tờ bản đồ số 22 xã P là ruộng ủng thủy, ban đầu Hợp tác xã P đã giao cho hộ xã viên canh tác nhưng các xã viên không làm, bỏ hoang; việc HTX giao như thế nào, giao cho ai thì ông L không biết. Đến năm 1999 thấy thửa đất ruộng trên bị bỏ hoang nên ông L bỏ công khai hoang, phục hóa để sản xuất. Thời gian đầu ông L làm nhưng thất bại, năng suất không cao, song ông L vẫn kiên trì tiếp tục canh tác. Đến năm 2014 thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 1A và thành lập khu tái định cư, các diện tích này bị thu hồi 1.591m²/3165m²/3 thửa; Nhà nước chỉ bồi thường, hỗ trợ tiền hoa màu trên các thửa đất là 5.441.220 đồng, không bồi thường giá trị diện tích đất bị thu hồi cho ông L. Do vậy, ông yêu cầu Ủy ban nhân dân xã P xác nhận nguồn gốc các thửa đất số 119, 123, 124, tờ bản đồ số 22, xã P lập năm 2006 là của ông L, để ông kê khai làm thủ tục được bồi thường diện tích đất bị thu hồi, nhưng Ủy ban nhân dân xã P cho rằng các thửa đất ruộng nêu trên là đất ruộng công ích thuộc diện 4% do UBND xã P quản lý, nên không xác nhận nguồn gốc đất cho ông L. Ông L có đơn khiếu nại và được Chủ tịch UBND xã P ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 159/QĐ – UBND ngày 12-6-2017 không công nhận nguồn gốc đất của ông L. Do vậy, ông L yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 159/QĐ-UBND ngày 12-6-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P; buộc Ủy ban nhân dân xã P xác nhận nguồn gốc các thửa đất số 119, 124, 123 tờ bản đồ số 22 xã P, lập năm 2006 của ông Phan Thanh L để được bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Quang T là Chủ tịch UBND xã P trình bày:

Nguồn gốc các thửa đất 119, 124, 123 tờ bản đồ số 22 xã P là do Hợp tác xã Nông nghiệp I (HTXNN I) quản lý. Tuy nhiên do số lượng nhân khẩu thôn vùng 5 xã P đông, diện tích đất ruộng ít, nên ban chỉ đạo công tác phân chia ruộng đất theo Nghị định 64/CP đã điều chuyển hơn 4ha đất ruộng của đồng Rộc Thảo, thôn K giao cho Hợp tác xã Nông nghiệp III (HTXNN III) để cân đối chia cho dân sản xuất, số diện tích dôi, dư khó sản xuất do ngập úng làm quỹ đất 4% của xã thuộc

thôn vùng 5, trong đó có các thửa đất này. Đối với diện tích 4% toàn xã, thì UBND xã giao cho thôn trưởng của từng thôn để xem xét nhu cầu trong thôn để cho dân thuê sản xuất, số tiền thu được hàng năm nộp cho ngân sách xã. Ba thửa đất trên có người làm có người không vì đi lại xa, sản xuất khó khăn nên theo báo cáo của thôn trưởng Vùng 5 giao lại cho ông L thuê. Ngoài các thửa này ông L còn thuê nhiều thửa đất khác thuộc quỹ đất 4% của xã để canh tác. Do canh tác khó, có mùa làm được, có mùa thất thu nên thôn báo cáo xã xin giảm thu tiền các thửa ruộng của ông L trong các vụ mùa thất thu. Việc thu tiền do thôn trưởng thực hiện, mức thuê đất trên mỗi sào không cao. Ông L nộp cho xã tiền thuê đất ruộng 4% là 2.000.000 đồng. Năm 2014 thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1A và thành lập khu tái định cư, các thửa đất trên bị thu hồi, Nhà nước đã bồi thường phần cây cối, hoa màu trên đất cho ông L, còn đất không bồi thường vì đây là đất công ích của xã. Năm 2015 ông L tiếp tục ký hợp đồng thuê đất với xã phần diện tích đất còn lại của hai thửa số 119 và 124, nên ông L yêu cầu UBND xã P xác nhận nguồn gốc đất các thửa đất 119, 123, 124 tờ bản đồ số 22 xã P để ông được bồi thường là không có cơ sở. Do vậy, việc ông L khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 159/QĐ-UBND ngày 12-6-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P và yêu cầu Ủy ban nhân dân xã P xác nhận nguồn gốc các thửa đất số 119, 124, 123 tờ bản đồ số 22 xã P của ông Phan Thanh L để được bồi thường, hỗ trợ, ông đại diện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P và UBND xã P không đồng ý.

Bản án Hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 19-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thanh L về việc: Yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 159/QĐ-UBND ngày 12-6-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thanh L về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân xã P xác nhận nguồn gốc các thửa đất số 119, 124, 123 tờ bản đồ số 22 xã P, lập năm 2006 là của ông Phan Thanh L để được bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03-12-2018 ông Phan Thanh L có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 19-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ theo hướng:

1. Áp dụng Điều 34 Luật tổ tụng dân sự hủy một phần Quyết định số 4528/QĐ-UBND ngày 27-6-2014 của UBND huyện Đ.

2. Hủy Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 12-6-2017 của Chủ tịch UBND xã P.

3. Buộc UBND xã P xác nhận nguồn gốc 03 thửa đất số 119, 123, 124 tờ bản đồ số 22 xã P là của ông Phan Thanh L đang quản lý, sử dụng để được bồi thường, hỗ trợ đúng theo quy định của pháp luật.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phan Thanh L cho rằng: Các thửa ruộng 119, 123, 124 tờ bản đồ số 22, xã P (lập năm 2006) là ruộng trũng thấp, thường xuyên ngập úng nên Hợp tác xã Nông nghiệp bỏ hoang, không ai canh tác. Năm 1999 ông Phan Thanh L khai hoang, phục hóa các thửa ruộng này và quản lý, sử dụng mãi đến nay. Ông L quản lý, sử dụng liên tục, ổn định, lâu dài, không có ai tranh chấp cũng như không bị UBND xã P xử lý về việc sử dụng đất ruộng trái phép. Do đó, theo quy định của Luật đất đai thì Ông L là người sử dụng đất hợp pháp đối với các thửa ruộng này và được xem xét để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo các Tờ trình của UBND xã P; Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đ; Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi trình UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 29-7-2014 về việc thu hồi một phần diện tích đất của UBND xã P để xây dựng các khu tái định cư, trong đó có thu hồi các thửa 119, 123, 124 tờ bản đồ số 22 xã P của ông L. Quyết định này hiện nay vẫn đang có hiệu lực. Do đó, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông L sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 12-6-2017 của Chủ tịch UBND xã P; Buộc UBND xã P xác nhận nguồn gốc 03 thửa ruộng số 119, 123, 124 tờ bản đồ số 22 xã P là của ông Phan Thanh L đang quản lý, sử dụng để được bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định Luật tố tụng hành chính.

Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và diễn biến công khai tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Phan Thanh L giữ nguyên bản án Hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 19-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện là ông Phan Thanh L; người đại diện theo ủy quyền của ông L là ông Nguyễn Chí H; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L là ông Huỳnh Tấn M; người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là ông Nguyễn Văn M – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ đều có mặt.

[1.2] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03-12-2018 ông Phan Thanh L có đơn kháng cáo là trong hạn luật định. Tuy nhiên, trong nội dung kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết ông yêu cầu hủy một phần Quyết định số 4528/QĐ-UB ngày 27-6-2014 của UBND huyện Đ về việc thu hồi đất công ích của UBND xã P tại các thửa 119, 123, 124, tờ bản đồ số 22, xã P, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi nhận đơn kháng cáo ngày 03-12-2018 của ông Phan Thanh L, Tòa án cấp sơ thẩm đã có

Thông báo số 573/2018/TB-TA ngày 10-12-2018 (bút lục 244) yêu cầu ông làm lại hoặc sửa đổi, bổ sung đơn kháng cáo. Nhưng đơn kháng cáo ngày 25-12-2018 (bút lục 249) ông không thực hiện việc sửa đổi theo thông báo trên. Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thụ lý xét xử phúc thẩm, thì ông Phan Thanh L có nhiều đơn kháng cáo có nội dung như đơn kháng cáo ngày 03-12-2018.

[1.3] Xét nội dung kháng cáo yêu cầu hủy một phần Quyết định số 4528/QĐ-UB ngày 27-6-2014 của UBND huyện Đ về việc thu hồi đất công ích của UBND xã P tại các thửa 119, 123, 124, tờ bản đồ số 22, xã P, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại bản án Hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 19-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ không xem xét nội dung này (vì người khởi kiện không yêu cầu khởi kiện). Theo quy định tại Điều 203, Điều 220 Luật tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giải quyết đối với nội dung kháng cáo này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét nội dung kháng cáo yêu cầu Hủy Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 12-6-2017 của Chủ tịch UBND xã P:

Nguồn gốc các thửa đất ruộng số 119, 124, 123 tờ bản đồ số 22 xã P là do Hợp tác xã Nông nghiệp I (HTXNN I) quản lý. Tuy nhiên, do số lượng nhân khẩu thôn vùng 5, xã P đông, diện tích đất ruộng ít, nên ban chỉ đạo công tác phân chia ruộng đất theo Nghị định 64/CP đã điều chuyển hơn 04ha đất ruộng của đồng Rộc Thảo, thôn K giao cho Hợp tác xã Nông nghiệp III (HTXNN III) để cân đối chia cho dân sản xuất. Số diện tích đất ruộng đôi, dư khó sản xuất do ngập úng làm quỹ đất 4% của xã trong đó có các thửa đất này. Sau đó UBND xã giao cho Thôn trưởng của từng thôn để xem xét nhu cầu trong thôn để cho dân nhận khoán hoặc thuê sản xuất; số tiền thu được hàng năm nộp cho ngân sách xã. 03 thửa đất ruộng trên có người làm, có người không vì đi lại xa, sản xuất khó khăn nên Thôn trưởng thôn Vùng 5 giao lại cho ông Phan Thanh L thuê canh tác, nhưng do các thửa đất ruộng trên khó sản xuất, mức tiền khoán không cao, mặc dù tại thời điểm đó các bên không có lập hợp đồng thuê đất, nhưng ông L có nộp tiền thuê đất ruộng 4% cho xã là 2.000.000 đồng, người thu tiền là ông Nguyễn Văn Hùng - Trưởng thôn, sau đó ông Hùng nộp cho kế toán xã P tại phiếu thu số 0048236 ngày 24-11-2011.

Theo hồ sơ địa chính lập năm 2006 tại cột người sử dụng đều thể hiện các thửa đất số 119, 123, 124 tờ bản đồ số 22, xã P do Ủy ban nhân dân xã P đứng tên. Tại biên bản lấy lời khai ngày 03-10-2018 (bút lục 58) cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm ông L thừa nhận 03 thửa đất ruộng này ông L không đăng ký kê khai hoặc có tên trong Sổ đăng ký ruộng đất qua các thời kỳ, không làm nghĩa vụ thuế với Nhà nước.

Qua xác minh những người nguyên là cán bộ lãnh đạo của xã P và nguyên là cán bộ Hợp tác xã Nông nghiệp I và Hợp tác xã Nông nghiệp III xã P qua các thời kỳ đều khẳng định: Các thửa đất ruộng ông L khởi kiện là các thửa ruộng thuộc xứ đồng Rộc Thảo, đây là quỹ đất 4% của UBND xã quản lý giao cho Hợp tác xã Nông nghiệp cho dân thuê để sản xuất, không phải là ruộng bỏ hoang. Các thửa đất ruộng này Hợp tác xã Nông nghiệp đã cho ông Phan Thanh L thuê sản xuất.

Tại đơn xin nhận khoán diện tích (không ghi ngày tháng năm) thể hiện lúc đó ông L 48 tuổi có ghi: “*Nguyên trước đây tôi có nhận một số diện tích 4% của xã, trong lô tôi nhận còn lại một đám DT 2^s03 lâu nay ông Đỗ Lâm nhận khoán canh tác, trước đây Ủy ban nhân dân xã giao cho tôi để liên vùng canh tác nhưng tôi chưa nhận*”. Căn cứ vào đơn này thấy rằng ông L sinh năm 1954, lúc viết đơn ông L 48 tuổi. Như vậy đơn này ông L viết vào năm 2002 là hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của những người nguyên là cán bộ lãnh đạo của xã P và nguyên là cán bộ Hợp tác xã Nông nghiệp qua các thời kỳ.

Việc ông L cho rằng số tiền 2.000.000 đồng ông nộp là ông ủng hộ cho thôn K để tổ chức Tết Trung thu cho các cháu thiếu nhi năm 2011. Tại biên bản xác minh ngày 08-10-2018 (bút lục 185) ông Nguyễn Văn Hùng xác định: Ông làm Thôn trưởng thôn K, xã P từ năm 2002 đến nay, ngoài việc quản lý dân cư ở thôn, ông còn làm thêm nhiệm vụ thu thuế ruộng đất cho UBND xã P tại vùng ruộng Rộc Thảo có cho các hộ dân thuê để canh tác. Ông Phan Thanh L có thuê khoảng 02 mẫu 03 sào. Năm 2011 mức phí thuê là 140.000đ/sào/năm; số tiền ông L phải nộp cho UBND xã là 2.000.000đ. Số tiền này ông L đã trực tiếp nộp cho ông và ông đã lập danh sách các hộ nộp tiền thuê đất ruộng 4% Rộc Thảo.

Sau khi Nhà nước thu hồi diện tích đất 1.591m²/3.165m²/03 thửa đất trên, diện tích đất còn lại của thửa số 119, 124 ông L tiếp tục ký hợp đồng thuê đất với Ủy ban nhân dân xã P. Việc ông L cho rằng hợp đồng thuê đất lập ngày 21-9-2015 không ghi giá thuê đất, ký không hợp đồng, để xác định các thửa đất ruộng trên do ông khai hoang phục hóa, nhưng ông không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Ngoài ký hợp đồng thuê 02 thửa đất trên, cùng ngày 21-9-2015 ông L còn ký hợp đồng thuê đất ruộng với UBND xã P tại các thửa 146, 186, 155, 175 cùng tờ bản đồ số 22 xã P lập 2006 thuộc Xứ đồng Rộc Thảo, thôn K, xã P.

Mặt khác, tại Văn bản số 2140/STNMT-QLĐĐ ngày 20-5-2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi xác định: Trong phần diện tích đất 3.017m² thu hồi giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đ để xây dựng các khu tái định cư (trong đó có Khu tái định cư Xóm 14 (phía Bắc), thôn K, xã P) tại Khoản 4 Điều 3 của Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 29-7-2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi là đất công ích của UBND xã P quản lý và cho hộ gia đình, cá nhân thuê sử dụng.

[2.2] Từ những phân tích nhận định trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thanh L là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm ông L kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ mới, nên không có căn cứ chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; không thống nhất quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phan Thanh L; Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Thanh L; giữ nguyên bản án Hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 19-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

[3] Về án phí: Ông Phan Thanh L là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Thanh L; giữ nguyên bản án Hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 19-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thanh L về việc: Yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 159/QĐ-UBND ngày 12-6-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thanh L về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân xã P xác nhận nguồn gốc các thửa đất số 119, 124, 123 tờ bản đồ số 22 xã P, lập năm 2006 là của ông Phan Thanh L để được bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

3. Ông Phan Thanh L được miễn án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án Hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND huyện Đ;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Dũng